

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01– DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DNPNT)	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT )	12

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 35/GPĐC13/KDBH được cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2017.

Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên số 35GP/KDBH cấp ngày 14 tháng 12 năm 2005.

#### Hội đồng Thành viên

Ông Antony Fook Weng Lee  
Ông Michael John Morris  
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### Người đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh

Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

Lầu 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam,  
Hà Nội, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 56. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

31  
ĐC  
31  
3  
VII  
VA



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 56.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3047-2024-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Trần Vĩ Cường  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4601-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM18249  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>891.103.439.234</b>	<b>880.187.670.737</b>
<b>110</b>	<b>Tiền</b>		<b>116.663.442.466</b>	<b>115.656.703.936</b>
111	Tiền	3	116.663.442.466	115.656.703.936
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>445.000.000.000</b>	<b>493.500.000.000</b>
121	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	445.000.000.000	493.500.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>83.404.228.487</b>	<b>81.024.893.643</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		59.444.530.461	44.117.136.430
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	5	59.444.530.461	44.117.136.430
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		378.439.350	68.684.100
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	9.224.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	24.220.561.422	37.641.176.391
139	Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	7	(639.302.746)	(811.327.278)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.018.285.639</b>	<b>9.337.662.487</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	8.909.461.933	9.337.662.487
151.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		8.825.715.546	9.213.278.526
151.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác		83.746.387	124.383.961
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	2.108.823.706	-
<b>190</b>	<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>		<b>235.017.482.642</b>	<b>180.668.410.671</b>
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	117.927.020.565	106.361.406.981
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	117.090.462.077	74.307.003.690

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>419.757.269.905</b>	<b>310.714.151.230</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>21.388.307.163</b>	<b>16.231.653.450</b>
218	Phải thu dài hạn khác	6(b)	21.388.307.163	16.231.653.450
218.1	Ký quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	6.000.000.000
218.2	Phải thu dài hạn khác		15.388.307.163	10.231.653.450
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>612.784.757</b>	<b>757.362.217</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9	612.784.757	757.362.217
222	Nguyên giá		7.747.683.734	8.338.088.959
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.134.898.977)	(7.580.726.742)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		2.209.600.522	2.209.600.522
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.209.600.522)	(2.209.600.522)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>394.000.000.000</b>	<b>290.500.000.000</b>
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	394.000.000.000	290.500.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.756.177.985</b>	<b>3.225.135.563</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.475.383.018	1.442.053.358
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	2.280.794.967	1.783.082.205
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.310.860.709.139</b>	<b>1.190.901.821.967</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>533.599.865.166</b>	<b>437.933.102.494</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>525.425.396.501</b>	<b>430.336.994.717</b>
312	Phải trả người bán ngắn hạn		136.975.177.441	105.715.233.003
312.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	10	91.450.014.990	88.128.286.443
312.2	Phải trả ngắn hạn khác cho người bán	11	45.525.162.451	17.586.946.560
313	Người mua trả tiền trước		2.716.024.682	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	2.101.016.401	8.939.243.687
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	10.382.644.408	10.124.316.456
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.507.097.996	1.563.402.994
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	6.214.819.882	2.930.434.780
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	37.334.820.545	34.844.206.390
329	Dự phòng nghiệp vụ		325.193.795.146	266.220.157.407
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	153.402.363.566	136.402.758.566
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	138.888.628.979	91.949.169.441
329.3	Dự phòng dao động lớn	16(b)	32.902.802.601	37.868.229.400
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>8.174.468.665</b>	<b>7.596.107.777</b>
336	Dự phòng trợ cấp thất nghiệp		5.818.013.905	5.530.683.017
337	Dự phòng phải trả dài hạn		2.065.424.760	2.065.424.760
338	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		291.030.000	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>777.260.843.973</b>	<b>752.968.719.473</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>777.260.843.973</b>	<b>752.968.719.473</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	1.126.099.400.000	1.126.099.400.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	19	18.444.054.467	17.229.448.242
421	Lỗi sau thuế lũy kế	19	(367.282.610.494)	(390.360.128.769)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(390.360.128.769)	(447.676.893.609)
421b	- Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của năm nay		23.077.518.275	57.316.764.840
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.310.860.709.139</b>	<b>1.190.901.821.967</b>

Nguyễn Thúy Vi  
Người lập/Kê toán trưởng

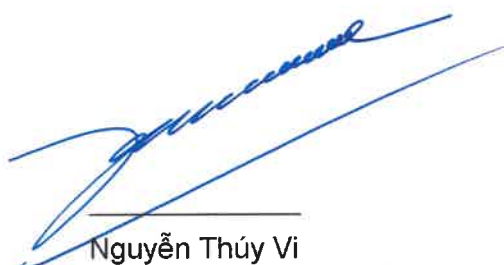
Nguyễn Thị Nguyệt Thanh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	165.991.290.558	197.503.778.555
12	Doanh thu hoạt động tài chính	39.498.852.881	45.165.579.320
13	Thu nhập khác	12.950.916.494	56.271.770
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(83.728.083.542)	(101.849.602.889)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(1.983.016.923)	(2.000.935.943)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27 (101.305.965.868)	(62.749.460.525)
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.423.993.600</b>	<b>76.125.630.288</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29 (7.629.581.862)	(16.034.056.702)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17,29 497.712.762	241.863.088
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>24.292.124.500</b>	<b>60.333.436.674</b>



Nguyễn Thúy Vi  
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
(tiếp theo)

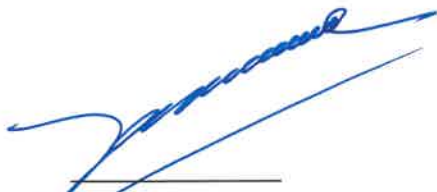
## PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2025 VND	2024 VND	
<b>01</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm</b>	<b>21</b>	<b>434.510.447.233</b>	<b>398.775.521.166</b>
01.1	Phí bảo hiểm gốc	21	424.292.283.185	397.130.810.639
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm	21	27.217.769.048	23.751.981.781
01.3	(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	(16.999.605.000)	(22.107.271.254)
<b>02</b>	<b>Phí nhượng tái bảo hiểm</b>		<b>(376.679.669.876)</b>	<b>(298.770.376.530)</b>
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	22	(388.245.283.460)	(312.852.771.743)
02.2	Tăng/(giảm) trong dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	11.565.613.584	14.082.395.213
<b>03</b>	<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>		<b>57.830.777.357</b>	<b>100.005.144.636</b>
<b>04</b>	<b>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>108.160.513.201</b>	<b>97.498.633.919</b>
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23	107.190.056.709	95.633.210.751
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		970.456.492	1.865.423.168
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>		<b>165.991.290.558</b>	<b>197.503.778.555</b>
<b>11</b>	<b>Chi phí bồi thường</b>	<b>24</b>	<b>(66.483.470.566)</b>	<b>(57.650.238.954)</b>
11.1	Tổng chi bồi thường		(69.719.594.590)	(60.389.499.815)
11.2	Các khoản giảm trừ		3.236.124.024	2.739.260.861
<b>12</b>	<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>24</b>	<b>50.813.266.941</b>	<b>33.588.289.994</b>
<b>13</b>	<b>(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>16(a)</b>	<b>(46.939.459.538)</b>	<b>(6.571.050.914)</b>
<b>14</b>	<b>Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>16(a)</b>	<b>42.783.458.387</b>	<b>6.274.021.913</b>
<b>15</b>	<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>		<b>(19.826.204.776)</b>	<b>(24.358.977.961)</b>
<b>16</b>	<b>Giảm/(tăng) dự phòng dao động lớn</b>	<b>16(b)</b>	<b>4.965.426.799</b>	<b>(1.080.300.207)</b>

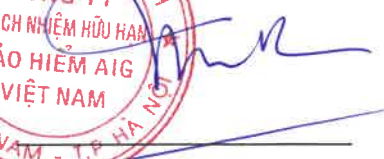
Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(tiếp theo)**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2025 VND	2024 VND	
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25	(68.867.305.565)	(76.410.324.721)
17.1	Chi hoa hồng bảo hiểm		(35.820.111.780)	(33.734.097.544)
17.2	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(33.047.193.785)	(42.676.227.177)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(83.728.083.542)	(101.849.602.889)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		82.263.207.016	95.654.175.666
23	Doanh thu hoạt động tài chính	26	39.498.852.881	45.165.579.320
24	Chi phí tài chính		(1.983.016.923)	(2.000.935.943)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(101.305.965.868)	(62.749.460.525)
30	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh		18.473.077.106	76.069.358.518
31	Thu nhập khác	28	12.950.916.494	56.271.770
40	Lợi nhuận khác		12.950.916.494	56.271.770
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.423.993.600	76.125.630.288
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	29	(7.629.581.862)	(16.034.056.702)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17,29	497.712.762	241.863.088
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.292.124.500	60.333.436.674



Nguyễn Thúy Vi  
Người lập/Kế toán trưởng

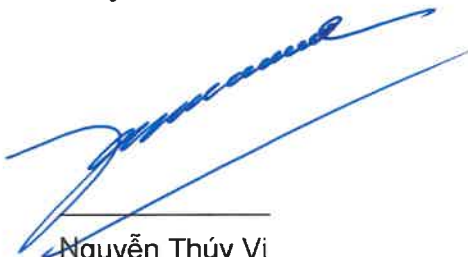
Nguyễn Thị Nguyệt Thanh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.423.993.600</b>	<b>76.125.630.288</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	625.377.460	1.057.209.409
03	Tăng các khoản dự phòng	115.306.356	1.133.063.835
03.1	Dự phòng nghiệp vụ	4.624.565.768	9.402.205.249
03.2	Doanh thu/chi phí hoa hồng chưa thực hiện/ chưa phân bổ	2.878.177.135	5.113.951.427
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	245.556.252	633.041.077
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(39.279.097.945)	(44.955.362.784)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>633.878.626</b>	<b>48.509.738.501</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(24.033.432.830)	(3.567.461.057)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	45.029.933.420	(5.516.265.267)
12	Giảm chi phí trả trước	7.307.914	479.865.214
15	Thuế TNDN đã nộp	(16.874.201.251)	(8.410.280.220)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.763.485.879</b>	<b>31.495.597.171</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(191.180.000)	(230.562.909)
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	(548.490.776.000)	(488.333.035.000)
24	Tiền thu từ đáo hạn các khoản đầu tư	493.500.000.000	471.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	47.376.678.233	45.229.567.958
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(7.805.277.767)</b>	<b>27.665.970.049</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(3.041.791.888)</b>	<b>59.161.567.220</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>	<b>115.656.703.936</b>	<b>56.766.141.789</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	4.048.530.418	(271.005.073)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>116.663.442.466</b>	<b>115.656.703.936</b>

Các thông tin bổ sung cho các khoản mục trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 33.



Nguyễn Thúy Vi  
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh  
Tổng Giám đốc  
Người đại diện theo pháp luật  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.